

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (Từ ngữ địa phương)





KHỞI ĐỘNG

Trò chơi #6 NHÌN HÌNH ĐOÁN CHỮ #7





Trò chơi #6 NHÌN HÌNH ĐOÁN CHỮ#

Luật chơi:

- 1) Tìm từ ngữ biểu đạt hình ảnh sau ?
- 2) Từ nào dùng phổ biến trong toàn dân?
- 3) Từ nào chỉ dùng ở một hoặc một số địa phương?



Hình ảnh
sự vật



Từ biểu thị
dùng rộng
rãi trong
toàn dân

Dứa

Củ sắn

Cá quả

Lợn

Bưởi

Ngô

Từ biểu thị
chỉ dùng ở
một số địa
phương

Thơm

Củ khoai
mì

Cá chuối,
cá lóc

Heo

Bòng

Bắp, bẹ

1. Từ ngữ địa phương

Yêu cầu: Làm việc cặp đôi, lấy ví dụ trong bài “*Chuyện cơm hến*” qua việc hoàn thành **Phiếu HT số 11**.

1) *Tìm trong VB “Chuyện cơm hến” một số từ ngữ mà chỉ người vùng miền Trung mới dùng, người miền khác cần chú thích mới hiểu được*

(**Gợi ý:** từ “*duông, trụng*” ...: *Nêu không có chú thích, em có hiểu nghĩa từ “*duông*” không? Có thể thay thế từ “*trụng*” bằng từ nào khác?...*)

2) *Việc sử dụng những từ ngữ địa phương trong Vb có tác dụng gì? Và cần lưu ý điều gì khi sử dụng?*



PHIẾU HỌC TẬP SỐ 11

(Nhận biết khái niệm và tác dụng của việc sử dụng từ ngữ địa phương)

Khái niệm	Ví dụ	Tác dụng và lưu ý khi sử dụng

1. Từ ngữ địa phương

a. Khái niệm:

- Khác với từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương thường chỉ được sử dụng ở một vùng, miền nhất định.

- VD: *duống*: đưa xuống; *trụng*: nhúng,...

b. Tác dụng

- Tạo sắc thái địa phương cho câu chuyện, nhân vật,... trong tác phẩm văn học.

c. Lưu ý khi sử dụng

- Trong văn bản khoa học, hành chính... không được dùng từ ngữ địa phương.

- Trong giao tiếp thông thường chỉ nên dùng từ ngữ địa phương khi trò chuyện thân mật với người nói cùng phương ngữ với mình, nếu không sẽ dẫn đến khó hiểu.

LUYỆN TẬP



Bài tập 1/tr.116:

Yêu cầu: Làm bài theo cặp bàn, theo dõi, đọc thầm **bài tập 1, trang 116**, xác định yêu cầu của bài:

1) *Liệt kê những từ ngữ được cho là từ ngữ địa phương trong câu văn (thầu, vìm, trọc, o). Tránh đồng nhất những từ ngữ khó hiểu với từ ngữ địa phương (từ mù u tên loại cây ở địa phương)*

2) *Giải thích được vì sao đó là những từ ngữ địa phương và chỉ ra những từ ngữ toàn dân tương đương.*

- Những từ ngữ được xem là từ ngữ địa phương trong câu văn gồm: *thầu, vìm, trọc, o*. (Chú thích SGK, tr.114)
- Nó được coi là từ ngữ địa phương vì nó khác với từ ngữ toàn dân, chỉ được dùng ở một số vùng miền nhất định.

Bài tập 2/tr.116:

Yêu cầu: Lập bảng thống kê (theo bảng), căn cứ vào phần chú thích trong VB *Chuyện cơm hến* để tìm những từ ngữ toàn dân tương đương với các từ ngữ địa phương đó.

Từ ngữ địa phương	Từ ngữ toàn dân tương đương	Ghi chú (nguồn khai thác)
lạt	nhạt	
duông	xuông	
xắt	thái	
trụng	nhúng	
thầu	thầu	
vịn	liễn	
trọc	mẹt	
o	cô	

Bài tập 3/tr.116:

Yêu cầu: Cho biết tác dụng của việc dùng từ ngữ địa phương của Huế trong “Chuyện cơm hến”.

Tác dụng: Tạo ấn tượng sâu đậm về Huế và văn hoá Huế; tô đậm sắc màu Huế.

Bài tập 4/tr.116:

Yêu cầu: Nêu một số từ ngữ địa phương chỉ sự vật (người, cây cối, con vật, đồ vật,...) ở các vùng miền mà em biết và tìm từ ngữ toàn dân tương ứng, theo cách điền vào bảng.

Địa phương	Từ ngữ địa phương	Từ ngữ toàn dân tương ứng
Miền Bắc		
Miền Trung		
Miền Nam		

Bài tập 4/tr.116:

Địa phương	Từ ngữ địa phương	Từ ngữ toàn dân tương ứng
Miền Bắc	- u/bu - thầy	- mẹ - bố
Miền Trung	- mô - o - răng - rứa	- đâu - cô - sao - thế/ vậy
Miền Nam	- tía - má - cái chén - trái mận	- bố - mẹ - cái bát - quả roi

VẬN DỤNG

Thực hiện ở nhà bài tập dự án: Thiết kế trò chơi “Thử tài của bạn” để báo cáo đầu buổi học sau:

- + sưu tầm lời hát, lời thơ, câu văn có từ địa phương.
- + Tìm từ địa phương và tìm ý nghĩa, chỉ rõ đó là ngôn ngữ miền nào.

Gợi ý

a. Đi mô rồi cũng nhớ về Hà Tĩnh

Nhớ núi Hồng Lĩnh nhớ dòng sông Lam

Nhớ biển rộng quê ta.

Những cánh đồng muối trắng

Tình sâu nghĩa nặng, biển ta lại nhớ rừng

Nên đi giữa đồng bằng mà gió ngàn bay về

Tìm âm vang sóng vỗ....

Ai đi xa mô đó biết có nhớ lấy đường về

Đường Đồng Lộc, đường Khe Giao

Đường Hồng Lam, Đèo Ngang, Linh Cảm

Cùng bao nhiêu con đường ra mặt trận

Giặc điên cuồng trút hàng vạn bom rơi

Đường hiên ngang vượt qua truông qua suối

Thêm bao nhiêu con đường lúa tuổi hai mươi.

- mô

- truông



Gợi ý

b. “Con lớn tính điềm đạm, mới mười hai tuổi mà nói năng như người lớn, nó ăn uống từ tốn, biết nhường phần ngon cho em. Thằng thứ ba mười tuổi, thằng liếng khỉ nhất nhà, thích làm giàng thun bắt chim, nó chan húp lia lia. Đứa con gái thứ tư tám tuổi, người mảnh khảnh, mắt sáng, môi mỏng, miệng nói tía lia, nó gấp từng miếng cá nhỏ, ăn nhỏ nhẹ như mèo. Thằng thứ năm sáu tuổi, đầu nhiều ghẻ, cạo trọc tròn như bông gáo, thằng ít nói mà cọc, nó ăn chậm chạp, nhưng đã gấp cá thì gấp nguyên con.” (Nguyễn Sáng).

- liếng khỉ: nghịch ngợm;
- giàng thun: súng cao su;
- (nói) tía lia: (nói) nhanh, liến láu;
- cọc: cục (tính).



Gợi ý

**c. O du kích nhỏ giương cao súng
Thằng Mỹ lênh khênh bước cúi đầu.
(Tố Hữu)**

- o -> cô

**d- Ghé tai mẹ, hỏi tò mò
Cớ rằng ông cũng ưng cho mẹ chèo?
(Tố Hữu)**

**- cớ rằng:
tại sao;
- ưng: chịu.**





Hướng dẫn học ở nhà

Hoàn thiện các bài tập vào vở;
Đọc trước văn bản “*Hội lòng tông*”.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 12 (Phiếu học tập giao về nhà)



Xác định	Trả lời
Xuất xứ	...
Kiểu VB	...
Nội dung chính	...
PT biểu đạt	...
Bố cục và nội dung từng phần	...